

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức vay vốn
để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHOÁ IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số 4648/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức được hỗ trợ lãi suất là các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tập thể trong nước (100% vốn trong nước) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã (gọi chung là chủ đầu tư) vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng thuộc lĩnh vực hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Các sở, ban, ngành chuyên môn; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố, các tổ chức tài chính - tín dụng cho vay, các tổ chức khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn theo nghị quyết này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất

- a) Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư dự án mới và dự án mở rộng, nâng cấp.
- b) Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, bảo lãnh tín dụng Nhà nước hoặc đã được hưởng các ưu đãi về lãi vay khác không thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị quyết này.
- c) Ngân sách thành phố không thanh toán phần lãi phát sinh do chủ đầu tư không hoàn trả lại vốn gốc đúng thời hạn quy định.
- d) Ngân sách không hỗ trợ lãi suất đối với các dự án thay đổi chủ đầu tư. Trường hợp chủ đầu tư nhận hỗ trợ lãi suất trong một thời gian, sau đó chuyển nhượng dự án cho chủ đầu tư khác thì phải hoàn trả ngân sách thành phố phần kinh phí đã được hỗ trợ.
- đ) Khi chủ đầu tư được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ về lãi suất của thành phố đang còn hiệu lực (tính cho từng dự án), thì chỉ được lựa chọn để hưởng một chính sách hỗ trợ tốt nhất.
- e) Chủ đầu tư khi đầu tư các dự án trên địa bàn huyện Hòa Vang, vùng khó khăn, khu vực giải tỏa đền bù được ưu tiên xem xét hỗ trợ lãi suất.

3. Lĩnh vực đầu tư hỗ trợ lãi suất

- a) Lĩnh vực dịch vụ (Phụ lục I kèm theo)
 - Các dự án đầu tư được hỗ trợ 50% lãi suất:
 - + Dịch vụ giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu;
 - + Logistics (cảng biển; đầu tư xây dựng các trung tâm logistics);
 - + Công nghệ thông tin (sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất thiết bị truyền thông; lập trình các phần mềm nhúng, các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin);
 - + Giao thông, vận tải;
 - + Y tế chất lượng cao;
 - + Giáo dục (các dự án xã hội hóa giáo dục).
 - Các dự án đầu tư được hỗ trợ 100% lãi suất:
 - + Khoa học công nghệ (lĩnh vực môi trường; lĩnh vực năng lượng mới; lĩnh vực công nghệ sinh học, y dược; lĩnh vực doanh nghiệp khởi nghiệp);
 - + Đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
- b) Phát triển công nghiệp công nghệ cao được hỗ trợ 50% lãi suất (Phụ lục II kèm theo)
 - Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng công nghệ cao;
 - Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghiệp công nghệ cao;

- Sản xuất sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và các hoạt động công nghệ cao khác;

- Khoa học công nghệ (lĩnh vực sản xuất vật liệu mới).

c) Lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao được hỗ trợ 100% lãi suất (Phụ lục III kèm theo)

4. Mức lãi suất hỗ trợ

Mức lãi suất hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi cuối kỳ) bình quân của 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh thành phố Đà Nẵng). Lãi suất này do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thông báo hàng tháng theo quy định.

Phân chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay thực tế của các tổ chức tài chính - tín dụng với mức lãi suất hỗ trợ của ngân sách thành phố do chủ đầu tư tự cân đối.

5. Thời gian, hạn mức vốn vay và điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn

a) Thời gian hỗ trợ lãi suất đối với các dự án nêu tại Khoản 3, Điều 1 của Nghị quyết này không quá 05 năm (hỗ trợ hằng năm) kể từ ngày giải ngân lần đầu và không vượt quá thời hạn vay vốn (trong hạn) của chủ đầu tư thể hiện trên hợp đồng tín dụng với các tổ chức tài chính - tín dụng cho vay; số vốn vay của dự án được ngân sách hỗ trợ lãi suất tối đa 70% tổng số vốn vay đầu tư dự án nhưng tối đa không quá 50 tỷ đồng cho 01 dự án vay. Đối với các dự án có yêu cầu mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất trên 50 tỷ đồng, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

b) Điều kiện hỗ trợ lãi suất

- Đúng đối tượng, lĩnh vực đầu tư được hỗ trợ theo quy định của nghị quyết này;

- Các chủ đầu tư có vay vốn tại các tổ chức tài chính - tín dụng (bao gồm cả Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố) để thực hiện dự án và sử dụng vốn vay đúng mục đích;

- Các chủ đầu tư có thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định hiện hành; có tình hình sản xuất kinh doanh ổn định, chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước về nộp ngân sách nhà nước;

- Dự án có tổng vốn đầu tư từ 01 tỷ đồng trở lên đối với các khu vực nông thôn, địa bàn khó khăn cần khuyến khích; dự án có tổng vốn đầu tư từ 03 tỷ

đồng trở lên đối với các dự án khác;

- Ưu tiên hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án ở khu vực nông thôn, khó khăn góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm, các dự án khởi nghiệp, sáng tạo;

- Các dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, yêu cầu quản lý ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Chủ đầu tư phải hoàn trả vốn gốc và lãi theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng. Ngân sách không thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các dự án vay vốn trả một lần khi đến hạn. Trường hợp các chủ đầu tư thực hiện cơ cấu lại khoản vay thì các hợp đồng tín dụng ký mới phải có các điều khoản về thời gian ân hạn, trả nợ gốc và mức lãi suất không làm phát sinh tăng vượt mức dự kiến được hỗ trợ của hợp đồng ban đầu và dự án được duyệt. Trường hợp các điều khoản về trả nợ gốc, lãi suất, thời gian ân hạn làm phát sinh tăng số vốn hỗ trợ từ ngân sách so với hợp đồng ban đầu thì ngân sách hỗ trợ theo các điều khoản của hợp đồng ban đầu;

- Thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ theo quy định của nghị quyết này.

6. Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất: Ngân sách thành phố Đà Nẵng; ngân sách thành phố bố trí kinh phí hỗ trợ lãi suất thực hiện chính sách tối đa không quá 50 tỷ đồng/năm. Trong năm, nếu số kinh phí hỗ trợ lãi suất các chủ đầu tư đề nghị vượt quá 50 tỷ đồng, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

7. Thẩm quyền giải quyết hồ sơ hỗ trợ

a) Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc hỗ trợ hoặc không hỗ trợ lãi suất đối với các dự án thực hiện theo Nghị quyết này.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư (Chủ tịch Hội đồng xét duyệt hồ sơ hỗ trợ lãi suất) tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, thẩm tra, đánh giá tính khả thi và xác định mức hỗ trợ đối với từng dự án thuộc các lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất của nghị quyết này, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

8. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Tên thủ tục hành chính: Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các tổ chức vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ

của hồ sơ, viết phiếu biên nhận, chuyển phòng chuyên môn giải quyết;

- Bước 3: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên ngành có liên quan (Hội đồng xét duyệt hồ sơ hỗ trợ lãi suất) tổ chức họp xem xét, đánh giá: Sự phù hợp của dự án về quy hoạch, yêu cầu quản lý ngành, yêu cầu về bảo vệ môi trường; tính khả thi của dự án; cho ý kiến về phần vốn vay được ngân sách hỗ trợ lãi suất cho dự án; các yêu cầu, điều kiện khác theo quy định. Trường hợp dự án chưa đủ điều kiện để xem xét hỗ trợ thì cần nêu cụ thể từng nội dung để chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh. Trên cơ sở kết quả đánh giá, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Đối với các dự án chưa đủ điều kiện: Chủ đầu tư phải bổ sung, hoàn chỉnh lại hồ sơ theo yêu cầu và nộp lại cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị chủ đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ. Quá thời gian trên, nếu chủ đầu tư dự án chưa nộp lại hồ sơ hoàn chỉnh mà không có lý do chính đáng, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lại hồ sơ. Chủ đầu tư dự án nếu có nhu cầu đăng ký lại thì thực hiện lại hồ sơ theo quy trình.

- Bước 4: Trả kết quả

c) Cách thức thực hiện: Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Thành phần hồ sơ: Chủ đầu tư dự án có nhu cầu hỗ trợ lãi suất vốn vay lập hồ sơ theo thành phần quy định, gồm 08 bộ và gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (trong đó 02 bộ hồ sơ hợp lệ và 06 bộ hồ sơ photo), cụ thể:

- Đối với dự án nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014:

+ Văn bản đăng ký hỗ trợ (theo mẫu);

+ Quyết định trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Hợp đồng tín dụng đã ký với tổ chức tài chính - tín dụng cho vay vốn;

+ Hợp đồng tiền gửi ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư (từ 1%-3% tổng mức đầu tư dự án theo quy định);

+ Hồ sơ dự án đầu tư đảm bảo một số nội dung chủ yếu gồm:

Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư: Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; điều lệ pháp nhân hoặc văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân; văn bản bổ nhiệm hoặc

cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ...

Địa điểm đầu tư của dự án, đề xuất nhu cầu sử dụng đất;

Giải trình sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu đầu tư, sự phù hợp về quy hoạch ngành, quy hoạch kinh tế - xã hội; quy hoạch đô thị; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; sự phù hợp với danh mục các lĩnh vực được hỗ trợ; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

Nội dung đầu tư gồm: Các hạng mục xây lắp, quy mô đầu tư; giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án (nếu có), gồm: Tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

Tổng mức đầu tư của dự án, bao gồm: Chi phí xây lắp, chi phí thiết bị và chuyên giao công nghệ; chi phí khác; dự phòng phí;

Nguồn vốn đầu tư của dự án, bao gồm: Vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay của tổ chức tín dụng, nguồn vốn khác;

Các phương án tài chính, khả năng cân đối tài chính để thực hiện dự án;

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư;

Báo cáo tiến độ thực hiện dự án;

Báo cáo tài chính hoặc các tài liệu khác về tình hình tài chính (nếu có).

- Đối với dự án phải thực hiện thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 30, 31, 32 Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014:

+ Văn bản đăng ký hỗ trợ (theo mẫu);

+ Quyết định chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

+ Hợp đồng tín dụng đã ký với tổ chức tài chính - tín dụng cho vay vốn;

+ Hợp đồng tiền gửi ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Hồ sơ dự án đầu tư đảm bảo một số nội dung chủ yếu gồm:

Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư: Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; điều lệ pháp nhân hoặc văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân; văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ...

Giải trình sự phù hợp về quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; sự phù hợp với danh mục các lĩnh vực được hỗ trợ;

Nội dung đầu tư gồm: Các hạng mục xây lắp, quy mô đầu tư; giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án (nếu có), gồm: Tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

Nguồn vốn đầu tư của dự án, bao gồm: Vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay của tổ chức tín dụng, nguồn vốn khác;

Các phương án tài chính, khả năng cân đối tài chính để thực hiện dự án;

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư;

Báo cáo tiến độ thực hiện dự án;

Báo cáo tài chính hoặc các tài liệu khác về tình hình tài chính (nếu có).

đ) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc

- Tại cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: 20 ngày

- Tại Ủy ban nhân dân thành phố: 10 ngày

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư, các sở, ngành chuyên môn và các cơ quan liên quan.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp giải quyết: Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt hỗ trợ lãi suất đối với chủ đầu tư vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố.

9. Quản lý, cấp phát khoản hỗ trợ lãi suất cho các dự án

- Trên cơ sở quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hỗ trợ lãi suất cho các dự án và hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất của chủ đầu tư (hợp đồng tín dụng, tiến độ giải ngân của ngân hàng, bản đối chiếu công nợ, thông báo trả lãi của tổ chức tài chính - tín dụng), Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Đà Nẵng và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm tra, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất hằng năm cho các dự án cụ thể.

- Trên cơ sở quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố về khoản hỗ trợ lãi suất hằng năm cho từng dự án, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ để Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng chuyển cho chủ đầu tư để thanh toán cho các tổ chức tín dụng nơi các chủ đầu tư vay vốn thực hiện dự án theo quy định.

10. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức

a) Chủ đầu tư dự án

- Triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt theo đúng các quy định

pháp luật hiện hành, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình; thực hiện đúng các quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường trong đầu tư và sản xuất; sử dụng vốn vay đúng mục đích theo kế hoạch đầu tư của dự án;

- Trên cơ sở quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hỗ trợ lãi suất cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ có liên quan cho Sở Tài chính để thẩm tra, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất hàng năm cho dự án theo quy định (hồ sơ chủ đầu tư cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng, tiến độ giải ngân của ngân hàng, bản đối chiếu công nợ, thông báo trả lãi của tổ chức tài chính - tín dụng);

- Trong vòng 03 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian hỗ trợ lãi suất (căn cứ vào hợp đồng tín dụng) chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán với Sở Tài chính về khoản hỗ trợ lãi suất từ ngân sách. Quá thời hạn nêu trên, chủ đầu tư không thực hiện quyết toán đối với các khoản được ngân sách hỗ trợ thì toàn bộ khoản lãi suất đã được hỗ trợ cho dự án bị thu hồi;

- Ngay sau thời điểm triển khai dự án đầu tư, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hợp đồng tín dụng đã ký (bản sao) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng để theo dõi. Chủ đầu tư đồng ý để tổ chức tín dụng cung cấp hồ sơ liên quan đến dự án theo yêu cầu của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, và các cơ quan liên quan nhằm phục vụ công tác quản lý;

- Hàng quý, báo cáo về tình hình, tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân và sử dụng vốn vay, đề xuất, kiến nghị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng trước ngày 30 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo; đồng thời, gửi bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa chủ đầu tư với tổ chức tín dụng chậm nhất là ngày 30 tháng đầu tiên của năm dương lịch. Trường hợp chủ đầu tư không thực hiện đúng trách nhiệm báo cáo thì Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng được tạm dừng giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất cho dự án;

- Khi dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, trong quá trình triển khai thực hiện nếu chủ đầu tư sắp xếp được nguồn vốn để thanh toán các khoản nợ vay của tổ chức tín dụng trước thời hạn được ngân sách hỗ trợ lãi suất thì chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo về tình hình triển khai thực hiện, lũy kế số vốn đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét kết thúc hỗ trợ cho dự án.

b) Các tổ chức tài chính - tín dụng cho vay vốn

Thẩm định hiệu quả và tính khả thi của dự án, xác nhận khoản vay đã giải ngân; thực hiện giải ngân theo đúng tiến độ thực hiện dự án và theo quy định hiện hành. Xác nhận bảng kê dư nợ vay, lãi vay hoặc các giấy tờ tương đương để làm cơ sở xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng; phần dư nợ vay của chủ dự án tại tổ chức tín dụng trong hạn và đã được chủ dự án sử dụng đúng mục đích để thực hiện các hạng mục của dự án gửi Sở Tài chính để làm cơ sở thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định hỗ trợ lãi suất

cho chủ đầu tư.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất của các chủ đầu tư theo đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan chuyên ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định kế hoạch vốn hỗ trợ lãi suất đối với các dự án trong dự toán ngân sách thành phố cho đầu tư phát triển hằng năm;

- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất; chủ trì, phối hợp với các cơ quan thành viên trong Hội đồng xét duyệt hồ sơ xem xét, thẩm tra, xác định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể đối với từng dự án thuộc các lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt làm cơ sở tính toán xác định kinh phí hỗ trợ cho các chủ đầu tư thực hiện dự án;

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm các quy định liên quan; hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định của thành phố. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất các dự án đầu tư theo quy định.

d) Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan xem xét phân vốn được ngân sách hỗ trợ lãi suất của các dự án đề nghị hỗ trợ lãi suất;

- Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện quyết toán đối với khoản được ngân sách hỗ trợ sau khi chấm dứt thời gian hỗ trợ lãi suất của dự án hoặc khi chủ đầu tư sắp xếp được nguồn vốn để thanh toán các khoản nợ vay của tổ chức tín dụng trước thời hạn được ngân sách hỗ trợ lãi suất và phê duyệt quyết toán;

- Trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kế hoạch vốn hỗ trợ lãi suất hàng năm theo quy định;

- Trên cơ sở quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hỗ trợ lãi suất cho các dự án, hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất của chủ đầu tư (hợp đồng tín dụng, tiến độ giải ngân của ngân hàng, bản đối chiếu công nợ, thông báo trả lãi của tổ chức tài chính - tín dụng) và các hồ sơ liên quan đến việc vay vốn của chủ đầu tư do các tổ chức tài chính - tín dụng cung cấp; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Đà Nẵng và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm tra, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất hàng năm cho các dự án cụ thể;

- Thực hiện thủ tục cấp phát kinh phí hỗ trợ lãi suất để Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng chuyển thanh toán cho các chủ đầu tư được phê duyệt hỗ trợ lãi suất vay vốn thực hiện dự án theo quy định.

đ) Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng

Thực hiện thủ tục cấp phát kinh phí cho các chủ đầu tư được phê duyệt hỗ trợ lãi suất vay vốn thực hiện dự án theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Đà Nẵng

- Hằng tháng gửi thông báo cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng về mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi cuối kỳ) bình quân của bốn ngân hàng thương mại được liệt kê tại Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết này;

- Phối hợp chỉ đạo các ngân hàng thương mại tích cực tham gia đề án của thành phố, đồng thời thực hiện đúng quy định về cho vay đảm bảo giải ngân đúng theo mục đích của hợp đồng tín dụng. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng liên quan đến đề án này;

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất của chủ đầu tư, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất hàng năm theo quy định.

g) Các sở chuyên ngành đối với các dự án có liên quan

- Xem xét tính phù hợp của dự án về quy hoạch, yêu cầu quản lý ngành; đánh giá tính khả thi của dự án; có ý kiến về các nội dung không phù hợp của các dự án;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính kiểm tra tình hình thực hiện các dự án nhằm đảm bảo các dự án triển khai đúng theo cam kết ban đầu, đồng thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai của các doanh nghiệp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết kịp thời.

11. Xử lý vi phạm

Trường hợp chủ đầu tư sử dụng phần vốn vay được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi suất không đúng với các nội dung đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thì phải hoàn trả ngân sách thành phố phần kinh phí đã được hỗ trợ tính đến thời điểm vi phạm (trường hợp ngân sách thành phố đã hỗ trợ lãi suất) hoặc không cấp hỗ trợ lãi suất (trường hợp ngân sách thành phố chưa hỗ trợ lãi suất).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát

việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

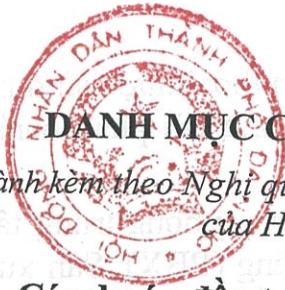
Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Nho Trung



PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC DỊCH VỤ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 149 /2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Các dự án đầu tư được hỗ trợ 50% lãi suất

1.1. Dịch vụ giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu

Dịch vụ cảng; dịch vụ kho ngoại quan; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ tư vấn pháp luật thương mại quốc tế.

1.2. Logistics

a) Cảng biển

- Dự án Xây dựng Cảng Liên Chiểu.

- Dự án Trung chuyển bằng xà lan từ cảng Tiên Sa qua cảng Liên Chiểu và ngược lại (bao gồm cả xây dựng và thiết bị bốc xếp).

b) Đầu tư xây dựng các trung tâm logistics

Dự án triển khai xây dựng các Khu logistics như: Hòa Nhơn, trong Khu công nghệ cao, khu vực phía Tây Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng.

1.3. Công nghệ thông tin

a) Sản xuất linh kiện điện tử

Dự án Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác. Cụ thể: Sản xuất tụ điện, điện tử; Sản xuất điện trở, điện tử; Sản xuất bộ mạch vi xử lý; Sản xuất bo mạch điện tử; Sản xuất ống điện tử; Sản xuất liên kết điện tử; Sản xuất mạch điện tích hợp; Sản xuất ống hai cực, bóng bán dẫn, bộ chia liên quan; Sản xuất phần cảm điện (cuộn cảm kháng, cuộn dây, bộ chuyển); Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể; Sản xuất solenoit, bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi cho các bộ phận điện tử; Sản xuất chất bán dẫn, sản xuất chất tinh chế và bán tinh chế; Sản xuất thẻ giao diện (âm thanh, video, điều khiển, mạng lưới); Sản xuất cấu kiện hiển thị (plasma, polime, LCD); Sản xuất bóng đèn diot phát sáng (LED); Sản xuất cáp, máy in, cáp màn hình, cáp USB.

b) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính

Dự án Sản xuất và hoặc lắp ráp các máy tính điện tử như màn hình, máy tính để bàn, máy chủ, máy xách tay. Cụ thể: Sản xuất máy vi tính để bàn; Sản xuất máy vi tính xách tay; Sản xuất máy chủ; sản xuất máy tính cầm tay (PDA); Sản xuất ổ đĩa từ, đĩa flash và các thiết bị lưu khác; Sản xuất ổ đĩa quang học (ví dụ CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW); Sản xuất máy in; Sản xuất màn hình; Sản xuất bàn phím; Sản xuất các loại chuột, que điều khiển và các thiết bị kiểm tra; Sản xuất các giao diện máy tính; Sản xuất máy quét, bao gồm máy quét mã thanh; Sản xuất máy đọc thẻ thông minh; Sản xuất mũ ảo; Sản xuất máy chiếu; Sản xuất các cổng máy tính như máy rút tiền tự động (ATM), máy bán hàng (POS), không hoạt động theo cơ khí; Sản xuất thiết bị văn phòng đa chức năng như máy liên hợp fax-copy-quét.

c) Sản xuất thiết bị truyền thông

- Dự án Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu và điện thoại được sử dụng để chuyển tín hiệu điện tử thông qua dây dẫn hoặc không khí như đài phát thanh và trạm vô tuyến và các thiết bị truyền thông không dây.

- Các dự án: Sản xuất thiết bị chuyển mạch văn phòng trung tâm; Sản xuất điện thoại không dây; Sản xuất thiết bị đổi nhánh riêng (PBX); Sản xuất điện thoại và máy fax, bao gồm máy trả lời điện thoại; Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu, như cầu, đường, cổng ra vào; Sản xuất ăngten thu phát; Sản xuất thiết bị cáp vô tuyến; Sản xuất máy nhắn tin; Sản xuất điện thoại di động; Sản xuất thiết bị truyền thông di động; Sản xuất thiết bị trong phòng thu vô tuyến và truyền thanh, bao gồm cả các máy quay phim; Sản xuất môdem, thiết bị truyền tải; Sản xuất hệ thống chuông chống trộm và đèn báo động, gửi dấu hiệu đến một trạm điều khiển; Sản xuất thiết bị chuyển đổi tivi và đài; Sản xuất thiết bị hồng ngoại.

d) Lập trình các phần mềm nhúng

đ) Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cố định hỗ trợ viễn thông và công nghệ thông tin, dữ liệu (hệ thống đài thông tin, trạm, ăng ten phát sóng, hệ thống cáp truyền dữ liệu, hệ thống trung tâm dữ liệu...); dự án đầu tư xây dựng khu Công nghệ thông tin tập trung; dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật công, bề ngầm phục vụ ngầm hóa cáp thông tin; dự án triển khai các ứng dụng thông minh, tiếp cận công nghiệp 4.0 để phục vụ quản lý đô thị và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp.

1.4. Giao thông, vận tải

- Các dự án đầu tư xây dựng Bãi đỗ xe (ngầm, nổi, thông minh); Hệ thống giao thông thông minh (ITS);

- Các dự án đầu tư liên quan đến vận tải hành khách công cộng (xe buýt, xe buýt nhanh (BRT), tramway).

1.5. Y tế, Giáo dục

- Y tế chất lượng cao

- Các dự án xã hội hóa giáo dục

2. Các dự án đầu tư được hỗ trợ 100% lãi suất

2.1. Khoa học công nghệ

a) Lĩnh vực môi trường

- Dự án sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Dự án thử nghiệm, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải để giảm lượng chất thải vào môi trường.

- Dự án về giảm thiểu ô nhiễm công nghiệp, sản xuất sạch hơn của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

b) Lĩnh vực năng lượng mới

- Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, vi sinh vật, biomass, địa nhiệt, thủy triều.

- Dự án sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Dự án sản xuất giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các doanh nghiệp trong 5 ngành công nghiệp: gạch, gốm-sứ, giấy & bột giấy, dệt và chế biến thực phẩm.

c) Lĩnh vực công nghệ sinh học, y dược

- Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh; sản xuất thuốc từ cây dược liệu địa phương.

- Dự án ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi và hoa có giá trị kinh tế cao.

- Dự án nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu; phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu.

d) Lĩnh vực doanh nghiệp khởi nghiệp

Dự án xây dựng cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp như vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp; các khu làm việc chung, khu thiết kế chung...

2.2. Đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp.

- Dự án đầu tư xây dựng bảo vệ rừng phòng hộ, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi./.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC HỖ TRỢ 50% LÃI SUẤT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 149/2018/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng công nghệ cao

- Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải, rác thải trong Khu Công nghệ cao.
- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho chuyên gia và người lao động trong Khu Công nghệ cao thuê.
- Đầu tư xây dựng Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, Trung tâm Ươm tạo công nghệ cao thuộc Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao, cơ sở nghiên cứu công nghệ cao, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

2. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghiệp công nghệ cao

Các dự án thuộc ngành công nghiệp công nghệ cao theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố gồm:

- Các loại khuôn mẫu: khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
 - Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rôbot công nghiệp;
 - Các loại mạch vi điện tử cho các thiết bị: đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời, các loại chip vi xử lý, các bộ điều khiển (bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC,...);
 - Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
 - Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;
 - Cảm biến các loại: cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường, cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất...;
 - Các loại động cơ thể hệ mới: động cơ điện, động cơ ồ từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính;
 - Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao.
- Các lĩnh vực công nghệ cao ưu tiên phát triển thuộc ngành công nghiệp công nghệ cao theo Quyết định số 4451/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND thành phố gồm:
- Công nghệ vi điện tử và quang điện tử.

- Công nghệ sinh học phục vụ y tế, nông nghiệp, thủy sản.
- Tự động hóa và cơ khí chính xác.
- Công nghệ nano.
- Công nghệ môi trường, công nghệ phục vụ hóa dầu.

3. Sản xuất sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và các hoạt động công nghệ cao khác.

4. Khoa học công nghệ (*lĩnh vực sản xuất vật liệu mới*)

- Dự án sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm, vật liệu nano.
- Dự án sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xốp, phôi thép./.



PHỤ LỤC III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC HỖ TRỢ 100% LÃI SUẤT

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 149 /2018/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

1. Dự án sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
2. Dự án ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy hải sản.
3. Dự án xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, xây dựng cánh đồng lớn.
4. Dự án đầu tư hạ tầng vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao./.

